

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Số 7 năm 2021



Đơn vị thực hiện:

- CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

- TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 7 NĂM 2021

THÁNG 7 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 3 **TỔNG QUAN**
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
- 4 Tháng 7/2021: Giá nông, lâm, thủy sản đồng loạt giảm trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19
- 6 Các địa phương bước vào chính vụ thu hoạch nhãn
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU
- 8 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các thị trường chủ lực đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực
- 12 Nông, lâm, thủy sản của Việt Nam rộng cửa sang thị trường Australia
- 16 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Anh tăng sau khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực
THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
- 19 Đồng Nai xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông sản trong tình hình mới
- 22 Hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ nhãn và nông sản tỉnh Hưng Yên
- 22 Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thị trường châu Phi
- 23 Công ty Đài Loan tìm nhà cung ứng bột cá
- 23 Doanh nghiệp tại Osaka, Nhật Bản cần tìm đối tác Việt Nam sản xuất hộp đựng đồ ăn làm từ bã mía
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ
- 24 Xuất khẩu đồ gỗ, nông sản sang Peru hưởng thuế 0% nhờ CPTPP
- 24 Áp thuế CBPG tạm thời sản phẩm sorbitol Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia 39,63 - 68,5%
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI
- 25 Giá hàng hóa thế giới diễn biến trái chiều
- 27 Nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Canada tăng trong 5 tháng đầu năm 2021
- 29 **TIN VĂN**

TỔNG QUAN

Trong tháng 7/2021, hoạt động sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên cả nước gặp rất nhiều khó khăn trước sự bùng phát mạnh của dịch Covid-19 tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực phía Nam, trong khi tình trạng thiếu container tiếp tục trầm trọng khiến việc vận chuyển hàng hóa gặp nhiều trở ngại, cộng với chi phí logistics vẫn duy trì ở mức cao và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

Tại thị trường trong nước, nhu cầu tiêu thụ yếu và vận chuyển khó khăn khiến giá hầu hết các mặt hàng nông sản chủ lực tiếp tục sụt giảm. So với tuần cuối tháng 6/2021, giá gạo NL IR 504 đã giảm tới 7,8%; tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ giảm 0,7%; giá thu mua mủ cao su nước tại vườn giảm 9,2%; tôm càng xanh tại Đồng Tháp giảm tới 18,2%...

Trên thị trường thế giới, giá gạo châu Á giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tương đối yếu. Theo đó, giá gạo trắng 5% tấm của Việt Nam tiếp tục điều chỉnh giảm hơn 80 USD/tấn trong tháng 7/2021, xuống còn 395 - 400 USD/tấn. Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ điều chỉnh giảm 7 USD/tấn so với cuối tháng 6/2021 xuống 361 - 366 USD/tấn, mức giá thấp nhất ghi nhận được trong vòng 16 tháng gần đây. Giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan cũng giảm xuống mức thấp

nhất 20 tháng khi chỉ đạt 395- 410 USD/tấn. Trong khi đó, giá cà phê Robusta và Arabica đều tăng lên mức cao nhất trong hơn 6 năm gần đây.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 7/2021 ước đạt gần 3,7 tỷ USD, giảm 9,8% so với tháng trước. Tuy nhiên, nhìn chung xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 7 tháng qua vẫn đạt được kết quả khá tích cực, tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 25,3 tỷ USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 03 mặt hàng hạt tiêu, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ ghi nhận mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, lần lượt tăng tới 49,9%; 73,6% và 53,7%.

Trong những tháng tới, dự báo xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục khó khăn bởi dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu và bùng phát mạnh tại nhiều địa phương trên cả nước, khiến kế hoạch xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm cũng như hoạt động xuất khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Bên cạnh đó, hoạt động vận chuyển khó khăn với cước phí gia tăng và nhu cầu tiêu thụ trên toàn cầu chưa thể hồi phục cũng tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất khẩu các mặt hàng này.

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Ngày 14/7/2021, Quốc hội Peru đã bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định CPTPP, qua đó đưa Peru chính thức trở thành nước thành viên thứ 8 thông qua Hiệp định CPTPP. Ngay khi Hiệp định có hiệu lực, xuất khẩu các mặt hàng đồ gỗ ngoại thất, các sản phẩm nông sản như hạt điều, chè, hạt tiêu, rau củ quả, một số loại cà phê của Việt Nam sang thị trường này sẽ được hưởng thuế suất về 0%.
- ▶ Sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương Quốc Anh (UKVFTA) có hiệu lực từ cuối tháng 12/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng khá mạnh, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 381,96 triệu USD.

THÁNG 7/2021: GIÁ NÔNG, LÂM, THỦY SẢN ĐỒNG LOẠT GIẢM TRƯỚC DIỄN BIẾN PHỨC TẠP CỦA DỊCH COVID-19



Gía hầu hết mặt hàng nông, lâm, thủy sản giảm trong tháng 7/2021 do nhu cầu giảm và ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

+ Mặt hàng gạo: Tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa có xu hướng ổn định trong khi giá gạo lại giảm trong tháng 7/2021.

Tính đến ngày 25/7/2021, tại An Giang, giá lúa IR 50404 dao động ở mức 5.100 - 5.300 đồng/kg; lúa OM 18 đạt 6.000 - 6.200 đồng/kg; giá lúa nếp vò (tươi) 3 tháng đạt 4.200 - 4.300 đồng/kg; nếp tươi Long An có giá 4.400 - 4.500 đồng/kg; IR 50404 (khô) 7.000 đồng/kg; lúa Nhật 7.500 - 7.600 đồng/kg; Nàng Hoa 9 (tươi) 6.000 - 6.200 đồng/kg; OM 5451 giá 5.700 - 5.750 đồng/kg; Đài thơm 8 giá 6.000 - 6.200 đồng/kg; OM 5451 giá 5.500 - 5.800 đồng/kg.

Giá gạo NL IR 504 dao động ở mức 7.000-7.100 đồng/kg, giảm 600 đồng/kg so với cuối tháng trước; gạo TP IR 504 giảm 100 đồng/kg xuống còn 8.300-8.400 đồng/kg. Tấm 1 IR 504 giá ổn định ở mức 7.200 đồng/kg và cám vàng giảm 100 đồng/kg xuống 7.500 đồng/kg.

Đáng chú ý, giá gạo trắng 5% tấm chào bán của Việt Nam trên thị trường quốc tế đã giảm hơn 80 USD/tấn trong tháng

7/2021, xuống còn 395 - 400 USD/tấn. Giá giảm mạnh do nhu cầu yếu, trong khi giá của các nước sản xuất gạo khác đưa ra rất thấp. Đồng thời, nguồn cung trong nước đang tăng lên khi vụ thu hoạch Hè Thu đang bước vào cao điểm, trong khi các thương nhân đã giảm mua từ nông dân do giãn cách xã hội ngăn chặn dịch Covid-19.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Giá hạt tiêu xô tại các tỉnh Tây Nguyên quay đầu giảm 500 đồng/kg trong tháng 7/2021, với mức giá tương ứng là 75.000 đồng/kg. Thị trường hạt tiêu có phần chững lại trong hơn 1 tháng qua do thông tin các nước Indonesia, Malaysia, Brazil bước vào vụ thu hoạch mới. Tuy nhiên, do nguồn cung năm nay dự kiến giảm và dịch bệnh diễn biến phức tạp tại Việt Nam, Indonesia, Malaysia khiến hoạt động thu hoạch và bán ra bị ảnh hưởng. Với xu hướng này, giá hạt tiêu trong quý III dự báo sẽ không có nhiều biến động so với những tháng trước.

+ Mặt hàng cà phê: Hoạt động giao dịch cà phê trong nước có phần chậm lại trong tháng 7 do tồn kho giảm, niên vụ cà phê sắp kết thúc và các biện pháp giãn cách xã hội để ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19.

Mặt khác, đà tăng giá cũng được củng cố sau khi những ước tính gần đây cho thấy sản lượng cà phê của Brazil nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới có thể giảm 1-2 triệu bao do thời tiết bất lợi.

Tính đến ngày 25/7/2021, nông dân tại Tây Nguyên đã bán cà phê nhân xô ở mức 37.900 đồng/kg, tăng 5,6% (tương ứng 2.000 đồng/kg) so với cuối tháng 6/2021.

+ Mặt hàng thủy sản: Trong tháng 7/2021, giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 500 đồng/kg xuống còn 21.500

đồng/kg. Tuy nhiên, mức giá này vẫn cao hơn 3.500 đ/kg so với cùng thời điểm này năm ngoái

Mặc dù giá cá tra có tăng so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng người nuôi cá vẫn vẫn gặp không ít khó khăn và đứng trước cảnh thua lỗ do giá thức ăn cho cá tra đã tăng hơn 20% so với giữa năm ngoái, khiến chi phí giá thành nuôi cá tra bình quân từ 18.000-19.000 đồng/kg trước đây, hiện đã lên tới 22.500 -23.000 đồng/kg cá thu hoạch.

Không chỉ vì giá mua cám cá tăng, suốt năm 2020 và quý đầu năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên thị trường xuất khẩu gặp khó. Nhiều hộ không bán được cá thương phẩm, nên đã hạn chế cho cá ăn, thời gian nuôi kéo dài, dẫn đến hệ số thức ăn tăng cao, hao hụt đầu con nhiều nên giá thành càng

tăng cao hơn nữa.

+ Mặt hàng cao su: Trong đợt thu mua gần nhất, Tổng Công ty Cao su Đồng Nai điều chỉnh giá thu mua mủ nước tại vườn xuống còn 32.700 đồng/kg, giảm 3.300 đồng/kg so với cuối tháng 6/2021. Tuy nhiên, giá các loại mủ cao su khác lại tăng 100 đồng/kg, mủ chén dây khô đạt 12.200 đồng/kg, mủ đồng khô là 10.000 đồng/kg...

Giá thu mua của các công ty cao su trong nước dự báo tiếp tục giảm trong thời gian tới theo xu hướng chung của thị trường thế giới do đại dịch Covid-19 tái bùng phát trên toàn cầu, đặc biệt là biến thể Delta, và tỷ lệ tiêm chủng chưa đạt kỳ vọng. Bên cạnh đó, nguồn cung tăng do các nước bước vào vụ thu hoạch mới và nhu cầu cao su giảm tại Trung Quốc cũng tác động mạnh lên thị trường cao su.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 25/7/2021

Tên hàng	Ngày 25/7/2021 (đ/kg)	So với ngày 26/6/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ 2020 (%)
Gạo NL IR 504	7.100	-7,8	-26,8	-17,0
Gạo thành phẩm IR 504	8.400	-1,2	-23,6	-15,2
Tấm gạo IR 504	7.200	0,0	-28,0	-7,7
Cám vàng	7.500	-1,3	10,3	35,1
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	37.900	5,6	9,9	17,3
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	30.000	0,0		
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	32.000	0,0	0,0	6,7
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	75.000	-0,7	38,9	53,1
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.000	-4,5	0,0	16,7
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25 con/kg)	180.000	-18,2	-10,0	-35,7
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	40.000	-27,3	-20,0	-27,3
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	170.000	21,4	70,0	41,7
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	200.000	-9,1	-9,1	-9,1
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	0,0	0,0	4,3
Loại 1 (đ/độ TSC)	303	-9,0	-12,7	21,2
Loại 2 (đ/độ TSC)	296	-9,2	-12,9	19,8
Mủ nước tại vườn	32.700	-9,2	-12,8	21,6
Mủ chén dây khô	12.200	0,8	-2,4	29,8
Mủ chén dây vừa	11.200	0,9	-2,6	33,3
Mủ đồng khô	10.000	1,0	-2,9	38,9
Mủ đồng vừa	8.400	1,2	-3,4	50,0
Mủ dây khô	11.600	0,9	-2,5	31,8
Mủ dây ướt	8.500	1,2	-3,4	49,1
Mủ tận thu	1.900	-5,0	-26,9	91,9

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

CÁC ĐỊA PHƯƠNG BƯỚC VÀO CHÍNH VỤ THU HOẠCH NHÃN



Từ đầu tháng 7/2021, nhiều địa phương trên cả nước đã bước vào chính vụ thu hoạch nhãn. Dự kiến trong mùa vụ năm 2021, tổng sản lượng nhãn trên cả nước sẽ đạt 637.000 tấn, tăng khoảng 8% so với năm trước.

Tại khu vực phía Bắc, sản lượng nhãn ước đạt 300.000 tấn, tăng hơn 13% so năm 2020 (265.000 tấn). Trong đó, trà sớm thu hoạch từ 15/7 - 31/7 đạt 63.600 tấn (21,2%); trà chính vụ thu hoạch từ 1/8 - 31/8 đạt 204.300 tấn (68,1%); trà muộn thu hoạch từ sau 31/8 đạt 32.100 tấn (10,7%). Các tỉnh trồng nhãn chủ yếu phía Bắc gồm Hưng Yên, Sơn La, Hải Dương, Bắc Giang và Hà Nội.

Tại Hưng Yên, hiện toàn tỉnh có khoảng 4.800 ha nhãn lồng, trong đó 1.300 ha là nhãn trồng theo tiêu chuẩn VietGAP cho sản phẩm chất lượng cao. Năm 2021, sản lượng nhãn ước đạt 50.000-55.000 tấn, cao hơn năm 2020 từ 15 - 20%. Trong đó trà sớm sản lượng chiếm khoảng 10%, trà chính vụ khoảng 70%, trà muộn khoảng 20%.

Tại Sơn La, diện tích trồng nhãn trong năm 2021 đạt 19.224 ha, sản lượng ước đạt gần 98.500 tấn, trong đó: trà sớm khoảng 28,3%; trà chính vụ 68%; trà muộn khoảng 3,7%. Sản lượng nhãn được sản xuất tại các mã số vùng trồng đạt 21.989 tấn đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ cho việc xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Australia, Mỹ và một số thị trường khác. Sản lượng nhãn sản xuất theo quy

trình VietGAP, theo chuỗi cung ứng nông sản an toàn đạt 6.171 tấn. Diện tích nhãn toàn tỉnh tập trung tại các huyện như: Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu, Mường La... Riêng huyện Sông Mã là vừa nhãn lớn nhất của tỉnh Sơn La với trên 7.200 ha trồng nhãn; trong đó, gần 5.900 ha đã cho thu hoạch, sản lượng trên 55.800 tấn, chiếm hơn 55% tổng sản lượng nhãn toàn tỉnh.

Tại tỉnh Hải Dương hiện có 2.136 ha trồng nhãn, sản lượng quả 9.000 - 10.000 tấn, tương đương năm 2020. Trong đó trà sớm khoảng 5%; trà chính vụ 90%; trà muộn khoảng 5%. Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và theo quy trình GlobalGAP 50ha (khoảng 250 tấn). Diện tích sản xuất theo VietGAP khoảng 500 ha.

Ngoài ra, tỉnh Bắc Giang hiện có khoảng 3.300 ha trồng nhãn, sản lượng năm 2021 ước đạt 20.000 tấn, tăng 2.000 tấn so năm 2020. Trong đó trà sớm khoảng 35%, chính vụ khoảng 50%, muộn khoảng 15%. TP. Hà Nội cũng có khoảng 1.740 ha, sản lượng ước đạt hơn 13.000 tấn, với trà sớm đạt hơn 5%, chính vụ khoảng 65% và trà muộn gần 30%.

Trong khi đó, tại các tỉnh phía Nam, sản lượng nhãn trong năm 2021 ước đạt 337.000 tấn, tăng khoảng 4% so với mức 324.000 tấn của năm 2020. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2021, sản lượng đã thu hoạch ước đạt 60.000 tấn (47,5%), dự kiến sản lượng thu hoạch 6 tháng cuối năm khoảng 177.000 tấn (52,5%).

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19, chợ đóng cửa, lưu thông hàng hóa khó khăn, nhiều địa phương buộc phải thực hiện Chỉ thị số 16 để phòng, chống dịch đã khiến thương lái không đến thu mua, hoạt động tiêu thụ hàng nông sản nói chung và nhãn nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, nhất là giai đoạn chính vụ thu hoạch vào tháng 7 và tháng 8. Hiện phần lớn sản lượng dự kiến vẫn chưa kết nối được đầu ra với số lượng lớn.

Cùng với những khó khăn trong xuất khẩu do kết nối khó khăn, chi phí vận chuyển tăng cao, hoạt động tiêu thụ nội địa cũng ảnh hưởng bởi nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm.

Trước những khó khăn của mặt hàng nông sản đến ngày thu hoạch chưa tìm được đầu ra như hiện nay, việc kết nối, tiêu thụ hàng nông sản nói chung và nhãn nói riêng là rất cần thiết để giải quyết vấn đề ứ đọng nông sản, đảm bảo cung ứng kịp thời đến những nơi đang thiếu hụt. Hiện đã có một số địa phương bắt đầu triển khai xúc tiến thương mại để tiêu thụ nông sản bằng hình thức trực tuyến, giải quyết những mặt hàng hóa nông sản vào vụ thu hoạch như nhãn và trước đó là vải, giúp người dân an tâm sản xuất trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp.

Hiện chính quyền các địa phương đều quyết tâm giải “bài toán” tiêu thụ nhãn ở thời điểm dịch bùng phát. Theo đó, các tỉnh sẽ thực hiện phòng chống dịch nghiêm ngặt nhưng cũng tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiêu thụ nhãn. Một số địa phương đã tính tới phương án thành lập những tổ nhân công thu hoạch nhãn, có thể ưu tiên tiêm vắc-xin phòng dịch Covid-19 cho những người phụ trách thu hoạch, vận chuyển nhãn trong khu vực bị phong tỏa, thiết lập nhiều kênh phân phối, đẩy mạnh tiêu thụ nhãn qua thương mại điện tử, chợ đầu mối, bán lẻ trong các siêu thị...

Tại Sơn La, ngày 21/7/2021, tỉnh Sơn La đã tổ chức Lễ công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu “Nhãn Sơn La” và cắt băng khởi hành lô nhãn Sông Mã - Sơn La xuất khẩu sang thị trường EU và Vương quốc Anh năm 2021. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 làm ảnh hưởng rất lớn đến việc xuất khẩu và tiêu thụ nhãn, tỉnh Sơn La đã kết nối với các doanh nghiệp xuất khẩu lớn như: Công ty cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Fusa, Công ty cổ phần Thực phẩm

xuất khẩu Đồng Giao tuyển chọn các sản phẩm có chất lượng cao để xuất khẩu, giúp nâng cao giá trị cho sản phẩm nhãn Sơn La.

Tại Hưng Yên, với mục tiêu tăng cường quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại sản phẩm nhãn nói riêng và các mặt hàng nông sản nói chung với thị trường trong và ngoài nước, chính quyền tỉnh đã phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động xúc tiến tiêu thụ nông sản cho hợp tác xã, doanh nghiệp và bà con nông dân trên địa bàn tỉnh. Trung tuần tháng 7/2021, tỉnh đã phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức Hội nghị Kết nối cung cầu tiêu thụ nhãn và nông sản Hưng Yên năm 2021 với 72 điểm cầu trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương) cùng với Sở Công Thương tỉnh Hưng Yên và đồng loạt cả 6 sàn thương mại điện tử bao gồm Sendo, Voso, Tiki, Posmart, Shopee và Lazada cũng đã chủ động lên phương án tiêu thụ, kết nối nhà vườn, hợp tác xã, chuẩn bị các khâu logistics, bảo quản hàng hóa để triển khai chương trình tiêu thụ Nhãn và nông sản trên “Giàn hàng Việt trực tuyến Quốc gia” và trên các Sàn thương mại điện tử. Thời gian mở bán chính thức vào cuối tháng 7, đầu tháng 8 - khi quả nhãn bước vào chính vụ thu hoạch.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG CÁC THỊ TRƯỜNG CHỦ LỰC ĐỀU GHI NHẬN TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC



Trong tháng 7/2021, hoạt động xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản nói riêng đối mặt với rất nhiều khó khăn trước sự bùng phát mạnh của dịch Covid-19 tại nhiều địa phương trên cả nước, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực phía Nam, trong khi tình trạng thiếu container tiếp tục trầm trọng khiến việc vận chuyển hàng hóa gặp nhiều trở ngại, cộng với chi phí logistics vẫn duy trì ở mức cao và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (gồm hạt tiêu, hạt điều, gạo, rau quả, thủy sản, cao su, cà phê, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn; gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng

7/2021 đạt gần 3,7 tỷ USD, giảm 9,8% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 14,9% so với tháng 7/2020 nhờ giá xuất khẩu hàng hóa tăng.

So với tháng trước, ngoại trừ xuất khẩu gạo và cao su tăng tốc, xuất khẩu các mặt hàng còn lại trong nhóm nông, lâm, thủy sản đều ghi nhận mức sụt giảm đáng kể. Trong đó, giảm mạnh nhất là mặt hàng rau quả với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 7/2021 ước tính chỉ đạt 250 triệu USD, giảm 22% so với tháng trước và đánh dấu mức thấp nhất đối với kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này kể từ tháng 11/2020 cho dù đây vẫn là thời điểm thu hoạch và tiêu thụ nhiều loại trái cây chủ lực như vải thiều, thanh long, sầu riêng...

Trong khi đó, lượng gạo xuất khẩu đã có dấu hiệu tích cực hơn sau nhiều tháng liên tiếp sụt giảm trong bối cảnh nguồn cung gia tăng do vụ Hè Thu đang trong giai đoạn thu hoạch rộ. Theo ước tính, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 7/2021 đạt 550 nghìn tấn, trị giá 289 triệu USD, tăng 26,1% về lượng và tăng 19,6% về trị giá so với tháng trước.



Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 7 và 7 tháng năm 2021

(Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)					
	Ước tính tháng 7		Ước tính 7 tháng		UT7/21 so với T6/21		UT7/21 so với T7/20		U7T/21 so với 7T/20	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu		26.000		184.335		-4,4		4,4		24,8
Nhóm nông, lâm, thủy sản		3.686		25.289		-9,8		14,9		26,7
Tỷ trọng (%)		14,2		13,7						
Thủy sản		800		4.921		-5,8		1,1		12,0
Rau quả		250		2.277		-22,0		12,2		15,0
Hạt điều	50	324	324	1.971	-14,9	-12,3	19,6	33,5	21,4	14,0
Cà phê	110	207	953	1.754	-14,1	-16,7	0,0	5,9	-9,3	-1,7
Chè	10	18	68	113	-10,0	-8,0	-25,2	-18,9	-4,5	-0,2
Hạt tiêu	28	103	182	600	-15,5	-13,2	55,5	129,6	-1,3	49,9
Gạo	550	289	3.578	1.937	26,1	19,6	14,9	24,7	-10,6	-0,6
Sắn và các sản phẩm từ sắn	150	65	1.741	677	-21,7	-21,8	-26,0	-12,6	10,3	24,1
- Sắn	24	10	626	164	-33,3	12,7	-20,3	51,3	43,0	67,8
Cao su	200	330	914	1.533	22,5	19,8	-1,3	34,7	33,6	73,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		1.300		9.506		-16,6		14,2		53,7
- Sản phẩm gỗ		1.002		7.386		-18,9		9,1		62,8

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, NHNN, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trước ảnh hưởng của dịch Covid-19 tại cả trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong 7 tháng qua đã đạt được kết quả khá tích cực với sự tăng tốc của hầu hết các thị trường và mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 25,3 tỷ USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 13,7% tỷ

trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, cao hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,5% trong 7 tháng đầu năm 2020 và tiếp tục vượt so với mức tăng trưởng xuất khẩu chung (26,7% so với 24,8%).

Trong đó, 03 mặt hàng hạt tiêu, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ ghi nhận mức tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, lần lượt tăng tới 49,9%; 73,6% và 53,7%. Kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng còn lại cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá

trên 10% trong bối cảnh kinh tế và nhu cầu tiêu thụ toàn cầu phục hồi. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu chè, cà phê và gạo vẫn giảm lần lượt 0,2%; 1,7% và 0,6% cho dù giá xuất khẩu ở mức cao.

Xét về thị trường xuất khẩu, Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục là những thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chủ lực của Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang các thị trường này đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực. Trong đó, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất và cũng là thị trường đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nhóm những thị trường dẫn đầu nhờ xuất khẩu đồ gỗ, thủy sản, rau quả, hạt tiêu và cao su tăng mạnh. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Mỹ trong nửa đầu năm 2021 đạt 6,8 triệu USD, tăng 35,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 31,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Ngoài ra, xuất khẩu sang Trung Quốc cũng ghi nhận mức tăng trưởng 19,2%, chiếm 20,8% tỷ trọng. Xuất khẩu sang EU tăng 8,6% và chiếm 8,5% tỷ trọng.

Trong những tháng tới, dự báo xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ

tiếp tục khó khăn bởi dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu và bùng phát mạnh tại nhiều địa phương trên cả nước, khiến kế hoạch xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm cũng như hoạt động xuất khẩu của các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Bên cạnh đó, hoạt động vận chuyển khó khăn với cước phí gia tăng và nhu cầu tiêu thụ trên toàn cầu chưa thể hồi phục cũng tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất khẩu các mặt hàng này.

Riêng đối với mặt hàng gạo, xuất khẩu ngành hàng này đang đối mặt với hàng loạt sức ép trong bối cảnh giá gạo của Việt Nam hiện đang ở mức cao trên thị trường thế giới và gây bất lợi cho xuất khẩu gạo của các doanh nghiệp trong nước. Trong khi đó, xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ gạo truyền thống của Việt Nam là Indonesia và Philippin dự kiến đều gặp khó khi Indonesia giảm lượng gạo nhập khẩu và Philippin thực hiện chính sách giảm thuế nhập khẩu gạo từ 40-50% xuống 35% khiến lợi thế xuất khẩu gạo của Việt Nam với các đối thủ cạnh tranh bị giảm sút bởi thuế suất 35% là mức ưu đãi mà Việt Nam đã được hưởng từ trước đó.

Mặc dù vậy, với sự phục hồi nhu cầu tại một số thị trường, tận dụng hiệu quả từ cam kết thuế quan trong các FTA thế hệ mới cộng với nhiều doanh nghiệp đã tích cực thay đổi để thích nghi trong việc thay đổi cơ cấu mặt hàng theo hướng tăng chất, giảm lượng, chủ động tìm kiếm các thị trường mới, mạnh dạn đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm mới và sử dụng hiệu quả các kênh tiếp thị, bán hàng trực tuyến..., kỳ vọng xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khả quan trong 5 tháng cuối năm 2021.



Tình hình xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản sang một số thị trường xuất khẩu chủ lực trong 6 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 6/2021	6 tháng/2021	So sánh (%)		Tỷ trọng (%)	
	(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T6/21 so với T5/21	6T/21 so với 6T/20	Tháng 6/2021	6 tháng năm 2021
Tổng	4.084.512	21.603.168	7,72	28,95	100,00	100,00
Mỹ	1.467.320	6.790.208	18,47	65,91	35,92	31,43
Trung Quốc	784.441	4.497.671	6,11	28,64	19,21	20,82
EU	349.359	1.836.184	9,01	5,25	8,55	8,50
Đức	86.622	493.010	4,27	4,48	2,12	2,28
Hà Lan	89.745	402.843	18,30	0,75	2,20	1,86
I-ta-li-a	40.521	231.601	9,56	14,12	0,99	1,07
Pháp	36.121	187.833	11,74	23,31	0,88	0,87
Bỉ	29.512	158.757	-1,89	-5,29	0,72	0,73
Tây Ban Nha	33.753	154.606	31,79	-10,09	0,83	0,72
Ba Lan	9.793	58.351	8,45	4,26	0,24	0,27
Đan Mạch	8.534	49.531	1,03	41,47	0,21	0,23
Bồ Đào Nha	5.173	31.775	-30,95	-1,18	0,13	0,15
Thụy Điển	2.900	26.781	-34,47	25,59	0,07	0,12
Hy Lạp	4.030	21.603	-2,82	13,25	0,10	0,10
Rumani	1.427	7.762	-15,53	25,41	0,03	0,04
Phần Lan	945	4.886	452,63	35,03	0,02	0,02
Séc	201	3.289	-80,46	15,75	0,00	0,02
Hung-ga-ri	59	2.783		164,69	0,00	0,01
Áo	21	774	-83,56	8,71	0,00	0,00
Nhật Bản	294.051	1.615.378	8,14	9,22	7,20	7,48
Hàn Quốc	193.436	1.014.029	8,37	11,07	4,74	4,69
Phi-líp-pin	97.931	703.266	-31,99	-7,99	2,40	3,26
Ca-na-da	70.306	354.698	24,74	36,28	1,72	1,64
Australia	58.438	325.046	-5,77	33,04	1,43	1,50
Thái Lan	53.392	295.508	-4,52	7,02	1,31	1,37
Malaysia	38.727	275.622	-16,21	-7,24	0,95	1,28
Nga	54.511	273.202	10,40	31,17	1,33	1,26
Anh	45.130	234.470	-0,04	24,90	1,10	1,09
Đài Loan	40.230	217.366	-5,35	17,52	0,98	1,01
Ga-na	36.094	191.303	1,79	51,33	0,88	0,89
Hồng Kông	30.180	141.281	6,96	8,33	0,74	0,65
U.A.E	24.762	136.504	24,72	50,85	0,61	0,63
Ấn Độ	26.144	127.831	55,83	30,96	0,64	0,59
Singapore	24.183	117.009	20,04	7,98	0,59	0,54
Bờ biển Ngà	3.198	104.157	-91,19	10,83	0,08	0,48
Pakistan	18.667	80.103	59,04	58,57	0,46	0,37
Ai Cập	14.039	77.339	23,53	48,32	0,34	0,36
Ả-rập Xê-út	10.055	75.120	-7,17	26,98	0,25	0,35
Israel	12.259	64.245	-3,21	16,89	0,30	0,30
Mê-hi-cô	12.643	60.197	21,74	69,84	0,31	0,28
Indonesia	10.434	59.397	4,36	1,74	0,26	0,27
Bra-xin	7.793	43.250	15,07	89,82	0,19	0,20
Thổ Nhĩ Kỳ	8.023	42.840	2,10	67,75	0,20	0,20

Thị trường	Tháng 6/2021	6 tháng/2021	So sánh (%)		Tỷ trọng (%)	
	(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	T6/21 so với T5/21	6T/21 so với 6T/20	Tháng 6/2021	6 tháng năm 2021
An-giê-ri	7.712	41.244	-3,64	-35,20	0,19	0,19
Campuchia	4.534	38.378	4,02	-9,31	0,11	0,18
U-crai-na	7.280	37.680	18,21	34,31	0,18	0,17
Băng-la-đét	490	36.606	-92,82	975,85	0,01	0,17
New Zealand	6.445	32.828	22,79	35,27	0,16	0,15
Colombia	4.407	24.382	118,90	87,92	0,11	0,11
Thụy Sĩ	3.549	21.503	-14,18	-2,51	0,09	0,10
Chi-lê	4.081	20.232	23,80	11,72	0,10	0,09
Sri Lanka	4.371	19.826	19,56	207,46	0,11	0,09
Lào	3.332	18.664	-34,49	-50,86	0,08	0,09
I-rắc	1.945	15.787	-26,09	-74,31	0,05	0,07
Nam Phi	3.738	13.938	62,65	31,54	0,09	0,06
Mô-dăm-bích	2.387	13.155	-36,83	-14,27	0,06	0,06
Cô-ôét	1.587	10.444	-2,30	30,72	0,04	0,05

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM RỘNG CỬA SANG THỊ TRƯỜNG AUSTRALIA

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng mạnh 33% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 325,04 triệu USD.

Hiện nay, Australia là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản nhiều tiềm năng cho các doanh nghiệp Việt Nam bởi Việt Nam và Australia đều là các thành viên rất tích cực của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Đồng thời các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu nông, lâm, thủy sản của hai bên cũng được đẩy mạnh trong thời gian qua và mang lại kết quả tích cực.

Trong nửa đầu năm nay, thủy sản là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong nhóm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia với kim ngạch đạt 130 triệu USD, tăng 59,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

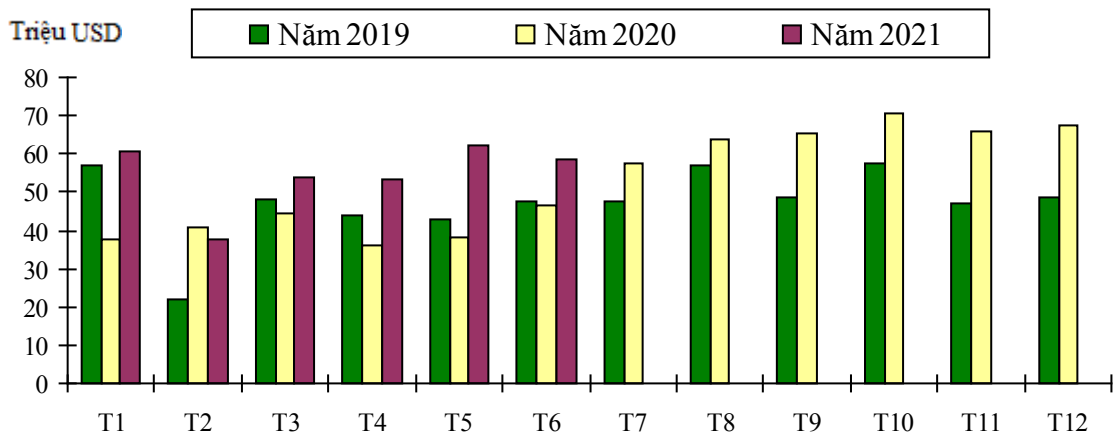
Gỗ và sản phẩm gỗ đứng thứ hai với kim ngạch 85,11 triệu USD, tăng 37,7%. Kế đến, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả đạt 40,65 triệu USD, tăng 52,5%.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu gạo và hạt tiêu sang thị trường Australia cũng tăng mạnh lần lượt là 58,5% và 72,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu hạt điều và cà phê của Việt Nam sang thị trường Australia giảm 13,9% và 28,3% trong nửa đầu năm nay.



Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Australia năm 2019 - 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2021

(ĐVT: Lượng: tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	6 tháng đầu năm 2021		So với 6 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		325.046		33,0
Hàng thủy sản		130.013		59,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		85.106		37,7
Hàng rau quả		40.647		52,5
Hạt điều	6.471	38.847	-7,2	-13,9
Cà phê	7.126	13.650	-38,2	-28,3
Gạo	18.829	11.943	56,4	58,5
Hạt tiêu	1.385	4.840	41,5	72,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

6 tháng đầu năm nay, tôm tiếp tục là chủng loại thủy sản xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt 9 nghìn tấn, trị giá 89,76 triệu USD, tăng mạnh 68,5% về lượng và tăng 83,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, tôm chiếm gần 70% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Australia trong nửa đầu năm nay.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng thủy sản khác sang thị trường Australia cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái như cá tra, basa tăng

9,4%, cá đông lạnh tăng 22,5%, cá đóng hộp tăng 14,9%, cá ngừ tăng 278,4%, mực tăng 137,9%...



Năm ngoái, nhập khẩu tôm của Australia bị ảnh hưởng do Covid-19, doanh số tiêu thụ tôm trên toàn quốc giảm mạnh bởi lệnh giãn cách xã hội. Tuy nhiên, kể từ cuối năm 2020 và đầu năm 2021, nhiều nhà nhập khẩu, nhà cung cấp, kênh phân phối bán lẻ đã thích nghi với dịch bệnh để thúc đẩy lại hoạt động kinh doanh. Nhận đặt hàng trước.

Nhiều phương thức bán hàng được thay đổi theo hướng dịch vụ giao hàng tận nhà tăng lên, ưu tiên thanh toán bằng thẻ và người mua hàng trực tiếp phải tuân thủ yêu cầu về khoảng cách. Các sản phẩm bán sỉ cũng có thể được mua từ hệ thống các cửa hàng, đồng thời chuỗi nhà hàng, nhà cung cấp thủy sản địa phương chấp

Một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	6 tháng đầu năm 2021			So với 6 tháng năm 2020 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tôm các loại	9.012	89.757	9.960	68,5	83,7	9,0
Cá tra, basa	6.191	16.059	2.594	9,5	9,4	0,0
Cá đông lạnh	1.892	13.501	7.135	25,2	22,5	-2,2
Cá đóng hộp	1.410	2.588	1.835	6,2	14,9	8,2
Cá ngừ các loại	538	1.684	3.130	217,7	278,4	19,1
Bạch tuộc các loại	228	1.366	5.983	45,2	68,2	15,8
Mực các loại	262	1.360	5.192	98,4	137,9	19,9
Surimi	269	706	2.627	52,0	12,8	-25,7
Cá khô	125	577	4.633	62,6	85,5	14,0
Ghẹ các loại	81	507	6.243	-39,7	19,2	97,8
Mắm	193	495	2.559	28,2	38,5	8,0
Nghêu các loại	174	409	2.353	99,5	119,4	10,0
Thủy sản khác	55	308	5.598	0,8	133,4	131,5
Ốc các loại	33	199	5.991	1.247,1	1.427,8	13,4
Ba khía	31	122	3.909	36,6	52,3	11,5
Chả giò	23	103	4.441	391,1	530,2	28,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặt hàng rau quả:

Trong 6 tháng đầu năm nay, các loại trái cây như thanh long, xoài và vải của Việt Nam đã được đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Australia. Đây là kết quả của quá trình thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại trái cây Việt Nam tại Australia.

Cụ thể, xoài là trái cây được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Australia với kim ngạch đạt hơn 4 triệu USD, tương đương cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, xuất khẩu sản lượng thanh long xuất khẩu sang Australia đạt 2,88 triệu USD, tăng mạnh 85,7% so với

cùng kỳ năm ngoái.

Hệ thống siêu thị Coles, một trong hai chuỗi bán lẻ hàng đầu của Australia, đã nhập khẩu thanh long của Việt Nam và bán với giá trung bình 4,9 AUD/quả (80.000 đồng). Trong khi đó, tại các hệ thống siêu thị chuyên về trái cây và thực phẩm tươi ở các thành phố lớn như Melbourne, Sydney và Brisbane, giá bán của thanh long Việt Nam vào khoảng 9-15 AUD/kg (149.000-247.000 đồng).

Bên cạnh đó, trái vải của Việt Nam cũng được đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2021 bất chấp ảnh hưởng của dịch Covid-19 với kim ngạch đạt 475 nghìn

USD, tăng 80,1%. Có mặt trên thị trường lớn nhất châu Đại Dương từ năm 2015, và tươi Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng tại đây ưa thích. Quả vải Việt Nam có hương vị thơm ngon và chất lượng vượt trội. Bên cạnh đó, nhờ nỗ lực cải tiến công nghệ và tăng cường khả năng bảo quản, chuyên chở, vải Việt Nam vận chuyển sang Australia vẫn giữ được độ tươi ngon như hàng bán trong nước. Phần đông người tiêu dùng, sau khi thưởng thức vải Việt Nam, đều hài lòng và cho rằng đây là dòng sản phẩm ngon nhất trên thị trường.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu chanh leo, hạt dẻ cười, chuối, sầu riêng... của Việt Nam sang Australia cũng tăng mạnh trong nửa đầu năm nay.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu gừng sang thị trường Australia trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 195 nghìn USD, tăng đột biến 209 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Australia, hiện nay, gừng đông lạnh Việt Nam không chỉ được bán tại siêu



thị, cửa hàng tại Australia mà còn được bán online. Giá gừng Việt Nam đông lạnh tại Australia khoảng 9-13 AUD/kg (khoảng 220.000 đồng/kg).

Đối với mặt hàng gừng tươi Việt Nam, hiện nay, Australia chưa mở cửa thị trường. Trước đây, gừng đông lạnh Việt Nam xuất khẩu sang Australia với số lượng hạn chế, chưa được người tiêu dùng biết tới, trong khi sản phẩm gừng già đông lạnh Việt Nam giữ nguyên được hương vị, hoàn toàn có khả năng chinh phục thị trường.

Kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm rau hoa quả của Việt Nam sang thị trường Australia trong 6 tháng năm 2021

Tên hàng	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Trái cây tươi	19.244	30,7
Xoài	4.065	-0,1
Thanh long	2.875	85,7
Macadamia	2.556	-1,8
Óc chó	2.424	10,6
Hạt dẻ cười	1.912	309,9
Chanh leo	1.817	97,1
Chuối	1.580	105,8
Sầu riêng	566	119,0
Vải	475	80,1
Dừa	383	-17,3
Mít	179	172,8
Nhãn	150	136,2
Sản phẩm chế biến	18.985	80,0
Dừa	4.375	78,6
Hạt dẻ cười	4.363	235,6
Hạnh nhân	2.386	154,3
Chanh leo	1.561	21,3
Trái cây khác	1.032	1.433,8

Tên hàng	6 tháng đầu năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ốc chó	712	-30,2
Dứa	707	17,8
Gừng	521	670,9
Xoài	305	425,7
Rau củ	238	370,2
Khoai tây	214	469,7
Ồi	175	206,7
Hoa	4.711	75,2
Hoa cúc	3.184	84,4
Hoa cát tường	693	32,9
Hoa cẩm chướng	480	47,7
Hoa lan hồ điệp	330	185,4
Rau củ	2.234	61,9
Khoai môn	535	44,9
Ớt	515	31,6
Ngô	367	41,8
Gừng	195	20.842,7
Sả	153	136,8
Khoai mỡ	152	110,0

(Nguồn: Tính toán số liệu của Tổng cục Hải quan)

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ANH TĂNG SAU KHI HIỆP ĐỊNH UKVFTA CÓ HIỆU LỰC

Sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương Quốc Anh (UKVFTA) có hiệu lực từ cuối tháng 12/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh trong nửa đầu năm 2021 đã tăng 16,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 381,96 triệu USD.

Trong đó, ngoại trừ hạt điều và cà phê có kim ngạch xuất khẩu giảm, các mặt hàng khác như thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng rau quả, cao su, hạt tiêu đều tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Anh trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 147,49 triệu USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kế đến, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 146,58 triệu USD, tăng mạnh 53,6%.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Anh tăng 47,4%, hàng rau quả tăng 61,9%, cao su tăng 89%.

Ngược lại, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Anh giảm mạnh 24,5% về lượng và giảm 21,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tương tự, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Anh cũng giảm 3,5% về lượng và giảm 12,4% về trị giá.

Theo đánh giá của các chuyên gia, các doanh nghiệp xuất khẩu cần tận dụng lợi thế Việt Nam là một trong số các quốc gia sớm ký thỏa thuận thương mại tự do với Anh để tiếp cận và mở rộng thị trường sang nước này.

Mặt khác, đây cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp khi thị trường Anh đang tìm kiếm các nhà cung cấp ngoài Liên minh châu Âu (EU) sau khi nước này rời khối.

Tuy nhiên các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu từ phía Anh rất cao.

Cũng giống như EU, Anh kiểm soát rất chặt chẽ việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón và các sản phẩm hóa chất dùng

trong nông nghiệp. Nông sản nhập khẩu chỉ được phép thông quan nếu có mức dư lượng hóa chất dưới ngưỡng tối đa cho phép (MRL) đối với từng loại sản phẩm.

Do đó, để có thể mở rộng thị phần tại Anh, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả

Việt Nam phải đáp ứng một cách bền vững các quy định pháp luật của Anh về an toàn vệ sinh thực phẩm, giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu thấp, kiểm dịch thực vật, giống cây biến đổi gen, khả năng truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh trong 6 tháng đầu năm 2021 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	6 tháng đầu năm 2021		So với 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		381.956		16,5
Hàng thủy sản		147.486		5,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		146.582		53,6
Hạt điều	7.066	38.660	-3,5	-12,4
Cà phê	15.155	25.916	-24,5	-21,8
Hạt tiêu	3.536	13.065	15,3	47,4
Hàng rau quả		8.118		61,9
Cao su	1.242	2.129	61,1	89,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Riêng đối với **mặt hàng thủy sản**, thuế nhập khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản nhập khẩu vào Anh được giảm từ mức thuế cơ bản 10-20% xuống 0% ngay khi UKVFTA có hiệu lực. Điều này càng tạo đà cho xuất khẩu thủy sản sang Anh tăng trưởng mạnh khi đây đang là thị trường tiềm năng của Việt Nam.

Tôm là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh

trong nửa đầu năm 2021 với gần 103,52 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 70% tỷ trọng.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu cá đông lạnh sang thị trường Anh tăng 5,6%, mực tăng 67,1%, nghêu tăng 98,8%...

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam sang thị trường Anh trong 6 tháng đầu năm 2021 giảm 7,9%, cá ngừ giảm 23,1%, ghe các loại giảm 18,9%...

Chủng loại thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh trong 6 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	6 tháng đầu năm 2021		So với 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tôm các loại	10.826	103.522	10,6	10,9
Cá tra, basa	8.475	29.170	-5,3	-7,9
Cá đông lạnh	1.919	7.948	19,0	5,6
Cá ngừ các loại	403	2.290	-20,8	-23,1
Ghe các loại	376	1.890	-63,4	-18,9
Cua các loại	27	798	1,6	-3,8
Mực các loại	72	452	48,1	67,1
Nghêu các loại	184	420	104,1	98,8
Cá khô	53	314	221,9	237,3
Thủy sản làm cảnh	0	300		286,9
Thủy sản khác	23	61	-87,7	-76,9
Tép	11	41	48,1	75,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ngành gỗ và đồ gỗ: Hiệp định UKVFTA đi vào thực thi, nhiều mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ có thuế suất về 0% trong vòng 5 năm (gỗ nguyên liệu hiện có thuế suất 2-10%). Theo đánh giá, đồ gỗ là một trong các ngành hàng xuất khẩu được hưởng lợi lớn từ Hiệp định UKVFTA. Do đó, vẫn còn nhiều dư địa để các doanh nghiệp ngành gỗ của Việt Nam khai thác.

Mặt khác, sản phẩm của Việt Nam có tính cạnh tranh cao về giá, nguyên liệu tốt, chất lượng sản phẩm cao. Gỗ cao su từ Việt Nam cũng là loại gỗ mà Anh hay cả EU đều không trồng được nhiều. Đây là những lợi thế của gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam tại thị trường Anh.

Thêm nữa, một số công ty lớn trong ngành gỗ tại Anh đã có cơ sở sản xuất hoặc ký hợp đồng đối tác dài hạn với các nhà sản xuất tại Việt Nam như IKEA, nhà bán lẻ đồ gỗ nội thất thị phần lớn nhất tại Anh.

Đối với mặt hàng hoa quả, từ khi UKVFTA có hiệu lực, hơn 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các chế phẩm từ rau quả xuất khẩu vào Anh được giảm về mức 0%. Nhiều sản phẩm trái cây

là thế mạnh của Việt Nam như vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa, dưa... nhờ đó có thêm lợi thế tiếp cận thị trường Anh trong bối cảnh các loại hoa quả nhiệt đới xuất xứ từ các quốc gia cạnh tranh như Brazil, Thái Lan, Malaysia... đều chưa có FTA với Vương quốc Anh.

Nhà nhập khẩu sẽ ưu tiên mua hàng trái cây của Việt Nam vì giá cạnh tranh hơn nhờ được giảm thuế. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu trái cây tại Vương quốc Anh cũng có sự phục hồi sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát

6 tháng đầu năm 2021, các sản phẩm chế biến từ rau quả chiếm 57% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Anh, đạt 4,58 triệu USD, tăng 2,6 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trái cây chế biến sang thị trường này tăng tới 5.688%, dưa tăng 167%, gừng tăng 79,3%...

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi sang thị trường Anh cũng tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm nay như xoài tăng 10,6%, chanh leo tăng 111,9%, thanh long tăng 1.483%...

Kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường Anh trong 6 tháng năm 2021

Chủng loại	6 tháng năm 2021	So với 6 tháng năm 2020 (%)
Sản phẩm chế biến	4.576	161,6
Dứa	1.300	167,0
Trái cây	1.079	5.687,8
Gừng	602	79,3
Dưa	383	13,4
Sả	254	41,0
Macadamia	201	
Mít	177	684,0
Trái cây tươi	2.795	24,4
Xoài	1.272	10,6
Thanh long	473	1.483,4
Chanh	286	
óc chó	226	-43,8
Rau củ	497	-42,6
Ngô	96	-66,0
Khoai môn	80	-52,5
Đỗ tương	74	59,2
Sả	46	-72,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

ĐỒNG NAI XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN TRONG TÌNH HÌNH MỚI



Trong những năm gần đây, Đồng Nai đi đầu cả nước trong hỗ trợ đầu tư và xây dựng được các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ đáp ứng tốt thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) đã liên kết sản xuất với tiêu thụ trong giai đoạn hội nhập, hình thành nhiều chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ mang lại giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Hiện nay, Đồng Nai đang hình thành các vùng chuyên canh sản xuất, đẩy mạnh hình thành chuỗi liên kết về sản xuất, chế biến, xuất khẩu nông sản. Tỉnh cũng thí điểm phát triển 2 cụm công nghiệp chế biến nông sản là Cụm công nghiệp Long Giao (huyện Cẩm Mỹ) và Cụm công nghiệp Phú Túc (huyện Định Quán). Toàn tỉnh hiện xây dựng được 133 chuỗi liên kết với sự tham gia của 67 doanh nghiệp,

cơ sở sơ chế, chế biến; 52 HTX và 18 tổ hợp tác. Trong đó, có 84 chuỗi liên kết trong lĩnh vực trồng trọt với quy mô gần 16,4 ngàn ha và 16 dự án cánh đồng lớn với tổng diện tích trên 5,1 ngàn ha. Trên địa bàn tỉnh có gần 1,4 ngàn ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, UTZ, 4C, hữu cơ; đã có gần 22 ngàn ha diện tích các cây trồng chủ lực xuất khẩu như: xoài, thanh long, chuối, mít... được cấp 86 mã số vùng trồng.

Liên kết sản xuất, tiêu thụ trong lĩnh vực chăn nuôi hiện toàn tỉnh có 29 chuỗi chăn nuôi với các mặt hàng heo, gà, trứng gà... Toàn tỉnh cũng có 277 trang trại chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP với sản lượng được chứng nhận là gần 102 ngàn tấn thịt heo/năm, trên 38 ngàn tấn thịt gà/năm và 325 triệu quả trứng gà/năm. Trong lĩnh vực thủy sản, toàn tỉnh có 4

chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ với các mặt hàng tôm, cá. Ngoài ra, Đồng Nai đang tập trung triển khai đề án Nghiên cứu khả thi về phát triển bền vững nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) của Israel trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Đồng Nai là thủ phủ chăn nuôi của cả nước với nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư. Địa phương này hiện thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về lĩnh vực chế biến thức ăn chăn nuôi với hàng chục nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi đạt tổng công suất thiết kế trên 3 triệu tấn sản phẩm/năm.

Tỉnh cũng thu hút được nhiều tập đoàn lớn đầu tư vào ngành chế biến thịt tươi cũng như các sản phẩm khác từ thịt gia súc, gia cầm. Đến nay, toàn tỉnh có 22 doanh nghiệp chế biến thực phẩm từ thịt động vật trên cạn. Trung bình mỗi năm, các doanh nghiệp này chế biến, cung cấp ra thị trường khoảng 30 nghìn tấn thành phẩm, tương đương với khoảng 45 nghìn tấn nguyên liệu tươi.

Các doanh nghiệp, cơ sở có sơ chế, chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều thực hiện theo quy trình khép kín từ con giống đến chăn nuôi, giết mổ và bảo quản để chế biến. Nhiều tập đoàn, doanh nghiệp đang đẩy mạnh đầu tư các nhà máy chế biến thịt hiện đại, đạt chuẩn quốc tế với tham vọng không chỉ chiếm lĩnh được thị trường nội địa mà còn bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu đi các nước, trong đó có cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, Mỹ...

Trong lĩnh vực trồng trọt, các mặt hàng cây công nghiệp chủ lực của Đồng Nai như cao su, cà phê, điều, hồ tiêu có diện tích lớn, hình thành được các vùng chuyên canh nên đã thu hút được nhiều tập đoàn lớn đầu tư chế biến sâu. Chỉ tính riêng ngành cà phê, Đồng Nai thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về đầu tư chế biến cà phê hòa tan nguyên chất, cà phê hòa tan phối trộn với sự góp mặt của nhiều nhà máy chế biến lớn như: Vinacafé Biên Hòa,

Nestlé Việt Nam và Nhà máy Sản xuất cà phê hòa tan Tín Nghĩa...

Với mục tiêu nâng cao giá trị cho nông sản và phát triển ngành nông nghiệp bền vững, hiện địa phương này đang tập trung triển khai nhiều đề án, chương trình thu hút đầu tư phát triển khâu chế biến, bảo quản. Trong đó, tỉnh Đồng Nai đang triển khai thực hiện 2 cụm công nghiệp điểm trong lĩnh vực chế biến nông sản là Cụm công nghiệp Phú Túc, tại huyện Định Quán và Cụm công nghiệp Long Giao thuộc địa bàn huyện Cẩm Mỹ.

Tỉnh cũng tăng cường xây dựng thương hiệu nông sản qua chương trình Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Kết thúc giai đoạn 2018-2020, Đồng Nai đã hoàn thành vượt mục tiêu đề ra về số lượng sản phẩm đạt chuẩn OCOP. Trong đó, giá trị lớn nhất của chương trình là giúp gây dựng thương hiệu cho nhiều mặt hàng nông sản, hỗ trợ đưa đặc sản địa phương vào siêu thị và đẩy mạnh xuất khẩu. Giai đoạn 2021-2025, đề án đặt ra mục tiêu toàn tỉnh có 100 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, từ 15 sản phẩm đạt 5 sao cấp tỉnh, 8 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia. Thời gian qua, các sản phẩm OCOP Đồng Nai không chỉ tham gia các chương trình kết nối, xúc tiến thương mại trong tỉnh mà có mặt ở các sự kiện cấp quốc gia, quốc tế như: tham gia hội nghị kết nối các sản phẩm OCOP do Bộ Công Thương tổ chức ở Hà Nội; tham gia hội chợ Làng nghề và sản phẩm OCOP; nhiều hội nghị kết nối đưa sản phẩm OCOP vào hệ thống các siêu thị lớn... Giai đoạn 2021-2025, chương trình tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu để các sản phẩm OCOP không chỉ được người tiêu dùng trong nước đón nhận mà còn tham gia vào thị trường xuất khẩu.

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, sản xuất nông nghiệp được điều chỉnh để thích ứng với tình hình mới. Trong đó, tăng cường rải vụ, kéo dài thời gian thu hoạch nhằm giảm bớt áp lực thu hoạch rộ vào một thời điểm; tăng

cường sản xuất những mặt hàng thiết yếu mà thị trường có nhu cầu lớn như rau xanh. Công tác dự báo sản lượng nông sản, thị trường tiêu thụ cũng được quan tâm hơn nhằm đảm bảo sự nhịp nhàng, giảm áp lực dịch vụ vận tải, nhân công, tối đa hóa nguồn lực trong tình hình khó khăn chung do dịch bệnh hiện nay.

Vụ Hè - Thu năm nay, thời tiết thuận lợi hơn vì trong tháng lượng mưa tương đối đều và đủ nên diện tích gieo trồng tăng so với cùng kỳ năm 2020, toàn tỉnh đã gieo trồng vụ hè - thu đạt gần 60 ngàn ha. Năng suất các loại cây trồng chính như lúa, rau quả các loại đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Về tình hình sản xuất các loại rau xanh, mặt hàng đang được người tiêu dùng rất quan tâm vì đang thiếu nguồn cung do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, có nhiều thuận lợi. Vài tuần trở lại đây, giá các loại rau ăn lá, rau ăn trái đều tăng gấp nhiều lần so với trước giúp nông dân yên tâm sản xuất.

Ngành nông nghiệp cũng rất chú trọng đến tình hình sản xuất ở lĩnh vực chăn nuôi, nhất là cập nhật thông tin kiểm dịch động vật, thực hiện tốt nhiệm vụ tiêm phòng tạo miễn dịch chủ động cho đàn gia súc, gia cầm; tiếp tục nâng cao công tác quản lý dịch bệnh và kiểm soát giết mổ chế biến, đảm bảo đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

Phát triển trung tâm cung ứng, chế biến nông sản, các kênh logistics dành riêng cho nông sản; kết nối sản xuất với phân phối, tiêu thụ, đưa nông sản lên các sàn thương mại điện tử là hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển hiện đại, nhất là trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Toàn tỉnh đã có hơn 1,3 ngàn ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, UTZ, 4C, hữu cơ và 86 mã vùng trồng với diện tích khoảng 21,6 ngàn ha với các loại cây trồng như: chuối, mít, thanh long... Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 84 chuỗi liên kết trong lĩnh vực trồng trọt với quy mô hơn 16,3 ngàn ha; trong đó, chủ yếu là các chuỗi cây ăn quả với 38 chuỗi; có 9 chuỗi cây lương thực; 25 chuỗi cây



công nghiệp; 8 chuỗi rau; 4 chuỗi dược liệu và các loại cây trồng khác...

Trong thời gian qua, tỉnh đã phối hợp các ngành nhằm cung cấp thông tin diễn biến thị trường nông sản trong nước cũng như quốc tế, nhu cầu nhập khẩu và các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam đến các tổ chức, cá nhân, HTX, tổ hợp tác, trang trại và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến, kết nối giữa nhà sản xuất, cung ứng với các nhà phân phối, các tổ chức xúc tiến thương mại trong nước ở các địa phương. Tổ chức chương trình mua sắm trực tuyến cho các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, trang trại tham gia như: Chương trình ngày mua sắm trực tuyến; gian hàng Việt trực tuyến; livestream bán hàng trực tuyến... Kết nối các sàn giao dịch thương mại điện tử tạo điều kiện cho HTX, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp tham gia kinh doanh nông sản trên sàn thương mại điện tử như: sendo.vn, voso.vn, Sàn OCOP, Postmart... Vận động, hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh khâu chế biến và dự trữ nông sản tăng lên khoảng 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đồng Nai có nhiều lợi thế để phát triển sàn thương mại điện tử, đặc biệt là một số mặt hàng về nông sản, thực phẩm chế biến... Do đó, trong thời gian tới địa phương sẽ tiếp tục tăng cường triển khai nhiều chương trình hỗ trợ, kết nối để các doanh nghiệp, HTX trong tỉnh đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, phát triển các website quảng bá, bán hàng, mở rộng thị trường trên môi trường trực tuyến.

HỘI NGHỊ KẾT NỐI CUNG CẦU, TIÊU THỤ NHÂN VÀ NÔNG SẢN TỈNH HƯNG YÊN

Ngày 15/7/2021 tại tỉnh Hưng Yên, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ nhân và nông sản với 12 điểm cầu tại các tỉnh, thành trên cả nước, 60 điểm cầu tại 22 quốc gia, vùng lãnh thổ và hàng trăm điểm cầu liên kết khác trong và ngoài nước đã được tổ chức. Đây là hoạt động xúc tiến thương mại quan trọng trong chuỗi các hoạt động quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông sản năm 2021 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, địa phương tổ chức.

Hội nghị được thực hiện theo phương thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, với điểm

cầu chính tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Hưng Yên, kết nối với 15 điểm cầu tỉnh, thành trong nước, gần 60 điểm cầu chính ở nước ngoài từ 21 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới gồm Anh, Australia, Ấn Độ, Ba Lan, Bỉ, Campuchia, Đài Loan, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Hồng Kông, Indonesia, Israel, Malaysia, Myanmar, Lào, Nhật Bản, Pháp, Singapore và Trung Quốc. Bên cạnh đó, hội nghị cũng có sự tham dự của đại biểu các cơ quan bộ, ngành, các hệ thống phân phối, hợp tác xã cung ứng, doanh nghiệp đầu mối xuất nhập khẩu Việt Nam và nước ngoài từ hàng trăm điểm cầu liên kết khác.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHAI THÁC THỊ TRƯỜNG CHÂU PHI

Ngày 21/7/2021, Cục Xúc tiến thương mại (XTTM) - Bộ Công Thương đã tổ chức Hội thảo trực tuyến "Châu Phi - Điểm đến hứa hẹn cho hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam". Hội thảo thu hút sự tham gia của hơn 100 đại diện các tổ chức XTTM và doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực XTTM, nông - lâm - thủy sản, thực phẩm chế biến, đồ uống, may mặc, vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm tiêu dùng...

Với lợi thế địa lý có diện tích rộng trên 30 triệu km², dân số khoảng 1,3 tỷ người và có nhu cầu nhập khẩu cao đối với nhiều loại mặt hàng phù hợp với hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, khối thị trường Châu Phi thực sự là những thị trường đa dạng cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. nguồn nguyên liệu và lao động của Châu Phi dồi dào; có nhiều FTA đã được ký; các nước Châu Phi đang thu hút đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài nên chính sách thông thoáng. Đây là những điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với thị trường này.

Hiện nay, mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Châu Phi là gạo (chiếm 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt



Nam sang Châu Phi). Vấn đề an ninh lương thực vốn được các nước Châu Phi quan tâm, và càng được quan tâm hơn trong bối cảnh đại dịch Covid 19 đang hoành hành.

Trong khi đó, sản xuất gạo của các nước Châu Phi chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của khu vực này. Do đó, gạo Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước Châu Phi, đặc biệt là Bờ Biển Ngà, Ga-na, Mô-dăm-bích.

Bên cạnh gạo, Châu Phi cũng có nhu cầu lớn về mặt hàng cà phê và hạt tiêu. Hàng năm, Châu Phi chi khoảng 750 triệu USD để nhập khẩu cà phê. Trong đó, Việt Nam là 1 trong 5 thị trường cung ứng chính. Ngoài xuất khẩu thô, một số thương hiệu cà phê chế biến của Việt Nam như Trung Nguyên, King Coffee cũng được quan tâm tại khu vực này.

GIAO THƯƠNG:

CÔNG TY ĐÀI LOAN TÌM NHÀ CUNG ỨNG BỘT CÁ

Công ty Shen Full (Đài Loan) liên hệ với Thương vụ, Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đề nghị giới thiệu doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam để nhập khẩu bột cá (Fish Meal) về Đài Loan.

Shen Full là Công ty thương mại chuyên kinh doanh các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, phụ gia nguyên liệu thức ăn chăn nuôi với bề dày 29 năm kinh nghiệm. Shen Full muốn tìm bột cá (Fish Meal) có xuất xứ Việt Nam với các yêu cầu về mức độ protein khác nhau từ nhà cung cấp Việt Nam có uy tín và tin cậy.

Shen Full có thể dung nạp 1.000 tấn cho năm đầu tiên và tăng lên theo từng năm hợp tác tiếp theo. Chi tiết về bao bì, đóng gói và chất lượng sẽ được Shen Full đặt hàng và trao đổi trực tiếp với nhà cung ứng.

Doanh nghiệp Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu mặt hàng này đi Đài Loan, xin gửi thông tin giới thiệu về năng lực cung ứng, kèm danh thiếp của cán bộ bán hàng cho Thương vụ theo phương thức sau:

Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc

Vietnam Economic Cultural Office in Taipei- Commercial Division

Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.

Tel: +886 -2- 25036840 Fax: +886 -2- 25036842 Email: tw@moit.gov.vn

DOANH NGHIỆP TẠI OSAKA, NHẬT BẢN CẦN TÌM ĐỐI TÁC VIỆT NAM SẢN XUẤT HỘP ĐỰNG ĐỒ ĂN LÀM TỪ BÃ MÍA

Doanh nghiệp tại Osaka chuyên kinh doanh cung cấp các sản phẩm gia dụng, đồ văn phòng phẩm, tạp phẩm, đồ dùng bằng nhựa, sản phẩm dệt may,...phân phối và bán tại các hệ thống cửa hàng của Nhật Bản. Hiện Công ty đang có nhu cầu tìm đối tác Việt Nam có thể sản xuất, cung ứng sản phẩm như sau để đặt hàng.

Yêu cầu cụ thể như sau: Hộp đựng đồ ăn làm từ bã mía. Nguyên liệu: Bã mía.

Số lượng đặt hàng: khoảng hơn: 180000 set/năm.

Lưu ý khác: cần giá thành cạnh tranh và nếu đã có kinh nghiệm hợp tác với sản phẩm tương tự sang Nhật Bản sẽ là một lợi thế.

Các công ty Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thích hợp và có nhu cầu kết nối vui lòng liên hệ và gửi thông tin đăng ký theo đường link sau:

<https://bitly.com.vn/xjq9p4>

Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản

Email: viettradeosaka@gmail.com / van.moit.jp@gmail.com /

quyenhabct@gmail.com

XUẤT KHẨU ĐỒ GỖ, NÔNG SẢN SANG PERU HƯỞNG THUẾ 0% NHỜ CPTPP

Theo Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ (Bộ Công Thương), ngày 14/7/2021, Quốc hội Peru đã bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sau hơn ba năm kể từ khi Hiệp định được ký kết từ tháng 3/2018.

Qua đó đưa Peru trở thành nước thành viên thứ 8 thông qua Hiệp định CPTPP. Hiệp định sẽ chính thức có hiệu lực với Peru sau 60 ngày kể từ khi nước này hoàn tất thông báo việc thông qua Hiệp định với Nước lưu chiều (New Zealand).

Hiệp định CPTPP chính thức đi vào hiệu lực hứa hẹn sẽ tạo xung lực mới cho quan hệ thương mại hai nước khi Peru cam kết xóa bỏ 81% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 62% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,4% dòng thuế vào năm thứ 17.

Hiệp định CPTPP đánh dấu lần đầu tiên hai nước có quan hệ FTA, theo đó doanh nghiệp Việt Nam cần nắm bắt các cơ hội mà Hiệp định mang lại để đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng thế mạnh.

Trong đó nổi bật có thể kể đến mặt hàng đồ gỗ ngoại thất, các sản phẩm

nông sản như hạt điều, chè, hạt tiêu, rau củ quả, một số loại cà phê sẽ được hưởng thuế suất về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Hàng dệt may, giày dép thuế suất sẽ giảm theo lộ trình và về 0% vào năm thứ 16. Hàng năm Peru nhập khẩu khoảng 350 triệu USD hàng giày dép, chủ yếu là giày dép giả da hoặc có thành phần nhựa. Với CPTPP, mặt hàng giày dép xuất xứ từ Việt Nam vốn đã được biết đến tại Peru sẽ có thêm lợi thế cạnh tranh so với sản phẩm của Trung Quốc và Brazil.

Bên cạnh đó, các sản phẩm thủy sản, hàng tiêu dùng, cao su, thiết bị điện tử, vật liệu xây dựng... cũng là các mặt hàng tiềm năng xuất khẩu vào thị trường Peru.

Theo Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, với việc các quy định nhập khẩu của Peru được đánh giá là đơn giản hơn so với mặt bằng chung các nước, doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng những cơ hội mà Hiệp định CPTPP mang lại để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này, chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh, có chiến lược xuất khẩu bền vững, sớm xây dựng được hình ảnh hàng hóa Việt Nam uy tín, chất lượng tại thị trường này.

ÁP THUẾ CBPG TẠM THỜI SẢN PHẨM SORBITOL TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, INDONESIA 39,63 - 68,5%

Theo Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương, ngày 6/7/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1719 áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) tạm thời đối với một số sản phẩm sorbitol có xuất xứ từ Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Theo đó, mức thuế CBPG tạm thời

được áp dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu dao động từ 39,63% - 68,5% dựa trên kết quả tính toán cụ thể.

Bộ Công Thương bắt đầu tiến hành vụ việc điều tra từ tháng 12/2020 trên cơ sở kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp CBPG của ngành sản xuất trong nước nộp vào tháng 9 năm 2020.

Trong 7 tháng điều tra sơ bộ theo đúng quy định của Luật Quản lý ngoại thương cũng như Hiệp định CBPG của Tổ chức Thương mại thế giới, Bộ Công Thương đã phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét và đánh giá tác động của hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu đối với hoạt động của ngành sản xuất trong nước, mức độ bán phá giá của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia cũng như xem xét, tính toán tác động đối với các ngành sản xuất hạ nguồn và người tiêu dùng các sản phẩm sorbitol.

Trong quá trình điều tra sơ bộ, Bộ Công Thương cũng đã làm việc, tham vấn với các bên có liên quan để xem xét, xác định rõ phạm vi sản phẩm thuộc đối tượng điều tra.

Kết quả điều tra cho thấy, lượng nhập khẩu sorbitol bị bán phá giá đã tăng trong

giai đoạn từ 1/4/2017 đến 31/3/2020, là nguyên nhân chính gây ra sức ép đáng kể cho hoạt động của ngành sản xuất trong nước.

Thể hiện ở các tiêu chí như: sản lượng; hiệu suất sử dụng công suất; tồn kho; thị phần; lượng bán hàng và doanh thu bán hàng trong nước; lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên tài sản; khả năng huy động vốn; dòng tiền... Trong giai đoạn điều tra, các chỉ số này đều cho thấy xu hướng suy giảm rõ rệt so với thời gian trước đó.

Trong thời gian tới, để đưa ra kết luận cuối cùng về vụ việc, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá tác động toàn diện của vụ việc đến các bên liên quan, bao gồm cả người tiêu dùng cuối cùng. Vụ việc dự kiến sẽ kết thúc điều tra vào quý III/2021.

THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI DIỄN BIẾN TRÁI CHIỀU

Trong tháng 7/2021, giá cà phê, ngô, lúa mì, đậu tương có xu hướng tăng trong khi giá gạo, cao su lại sụt giảm so với tháng trước.

Trong đó, cà phê là mặt hàng ghi nhận đà tăng giá mạnh nhất với mức tăng 16,4% đối với cà phê Robusta lên 1.899 USD/tấn và tăng gần 20% đối với cà phê Arabica lên 189 Uscent/lb.

Như vậy, giá cà phê Robusta đã tăng tới 38,7% so với cuối năm 2020 và cà phê Arabica tăng 50,1%.

Các nhà môi giới và phân tích cho biết đã xuất hiện thông tin về tình trạng băng giá tại các khu vực trồng cà phê tại Brazil lần thứ hai trong chưa tới một tháng. Băng giá có thể gây ảnh hưởng nhiều hơn tới các trang trại ở khu vực trồng cà phê chủ yếu của nước này như các bang Minas Gerais và Sao Paulo. Cây cà phê khá nhạy

cảm với băng giá vì nó có thể làm rụng lá và có thể giảm sản lượng tiềm năng cho vụ tới.

Tình trạng thời tiết lạnh giá diễn ra sau khi Brazil chứng kiến cơn hạn hán tồi tệ nhất trong một thập kỷ trong nửa đầu năm 2021, vốn đã làm cho cây cà phê yếu ớt. Hạn hán khiến nhiều cánh đồng cà



phê khô cháy và làm cạn các hồ trữ nước phục vụ tưới tiêu.

Giá các mặt hàng nông sản khác như đậu tương, ngô, lúa mì trên sàn giao dịch Chicago đều tăng do đánh giá của Bộ Nông nghiệp Mỹ cho thấy tình trạng vụ mùa yếu hơn. Cụ thể: giá đậu tương trên sàn Chicago tăng 6,4% so với cuối tháng 6 lên mức 1.352 UScent/bushel; giá ngô tăng 4,7% lên mức 543 UScent/bushel; lúa mì tăng 7,3%...

Đường thô kỳ hạn tháng 10 cũng tăng 5% so với cuối tháng trước lên 18,17 UScent/lb trong ngày 25/7/2021, cao nhất trong hai tuần. Bảng giá không gây thiệt hại cho vụ mía hiện tại, nhưng có thể ảnh hưởng tới vụ tới, mặc dù thiệt hại với cây mía phải cần có thời gian đánh giá và sẽ phụ thuộc vào mức độ các trận mưa rào sắp tới.

Trong khi đó, giá gạo châu Á giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu tương đối yếu. Tại Ấn Độ, giá gạo đỏ 5% tẩm được báo giá ở mức 361 - 366 USD/tấn, giảm 7 USD/tấn so với cuối tháng 6/2021. Đây cũng là mức giá thấp nhất ghi nhận được trong vòng 16 tháng do lượng

hàng dự trữ từ các kho của Chính phủ giải phóng đã thúc đẩy nguồn cung.

Giá gạo trắng 5% tẩm của Thái Lan cũng giảm xuống mức thấp nhất 20 tháng khi chỉ đạt 395- 410 USD/tấn so với 420-430 USD/tấn của cuối tháng trước. Theo các thương nhân Thái Lan, giá gạo của nước này tiếp tục giảm do thiếu vắng người mua và đồng Baht yếu.

Giá cao su trên thị trường thế giới cũng lao dốc trong tháng 7/2021, với mức giá giao dịch cao su RSS 3 trên sàn TOCOM – Nhật Bản đạt 161 JPY/kg trong ngày 25/7/2021, giảm 2,6% so với cuối tháng trước.

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), triển vọng thị trường cao su toàn cầu trong ngắn hạn được đánh giá không khả quan do sự tổng hợp bởi các yếu tố như: Sự gián đoạn về hậu cần, cước phí vận chuyển đường biển tăng, việc vận chuyển bị chậm trễ, thiếu chip ảnh hưởng đến ngành sản xuất ô tô, tiêu thụ ô tô chậm lại, đồng USD tăng giá, sự gia tăng nguồn cung cao su thiên nhiên.... Tất cả các yếu tố này đang cùng lúc gây áp lực lên giá cao su.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 25/7/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 25/7/2021	So với ngày 26/6/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	543,0	4,7	19,5	64,3
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	684,0	7,3	8,8	30,2
Lúa mạch	UScent/bushel	457,8	21,6	35,3	68,3
Đậu tương	UScent/bushel	1.351,8	6,4	6,4	52,4
Khô đậu tương	USD/tấn	356,2	-0,1	-14,9	19,7
Dầu đậu tương	UScent/bushel	63,2	10,8	54,3	111,2
Hạt cải	CAD/tấn	883,4	19,5	40,6	81,4
Ca cao	USD/tấn	2.321,0	-2,5	-10,5	1,3
Đường thô	UScent/lb	18,2	5,0	21,9	51,3
Nước cam	UScent/lb	137,4	11,9	12,9	14,5
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.899,0	16,4	38,7	42,1
Cà phê Arabica	UScent/lb	189,0	19,8	50,1	72,4
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	163,9	-78,9	-79,1	-71,1
Gạo đỏ 5% tẩm Ấn Độ	USD/tấn	366,0	-1,9	-5,4	-4,2
Gạo trắng 5% tẩm Thái Lan	USD/tấn	410,0	-4,7	-21,2	-14,9
Cao su Toccom	JPY/kg	161,0	-2,6	5,3	0,5

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

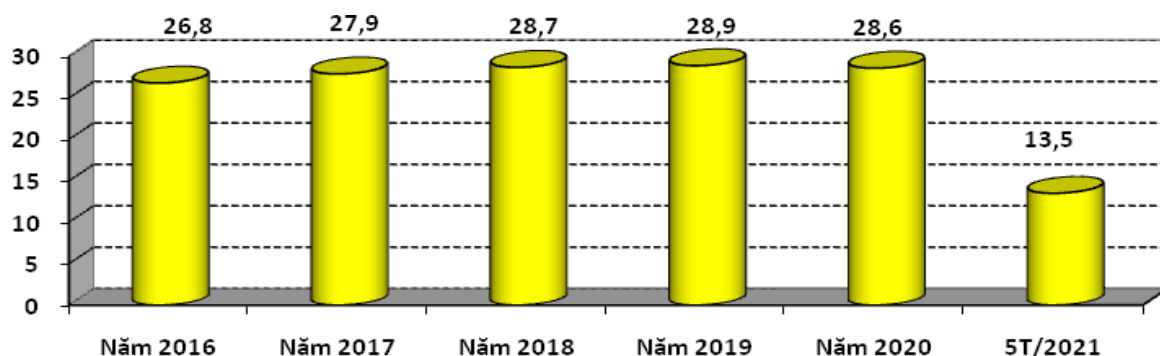
NHẬP KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO CANADA TĂNG TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Canada có nền nông nghiệp phát triển hiện đại và là một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Các sản phẩm nông nghiệp chính của Canada là ngũ cốc, hạt có dầu, thịt, trứng, sữa, hoa quả ôn đới và hàn đới. Do đó, nước này nhập khẩu không nhiều các sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu là nhập khẩu các sản phẩm nhiệt đới.

Theo thống kê từ Cơ quan Hải quan Canada, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2016-2020, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 1,56%/năm. Tuy vậy, trong 5 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada đạt 13,538 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada qua các năm

(Đvt: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Canada

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu chính vào Canada là đồ nội thất bằng gỗ, chiếm 20,9% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này, tiếp đến là nhóm hàng trái cây và quả hạch ăn được, chiếm 16,9%; rau củ chiếm 12,1% và gỗ và sản phẩm gỗ nguyên liệu chiếm 11,3%.

Nhìn chung, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada tăng ở hầu hết các nhóm mặt hàng trong 5 tháng đầu năm 2021, trong đó đồ nội thất bằng gỗ vừa là mặt hàng có tỷ trọng nhập khẩu cao nhất, vừa là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng đáng kể, tăng 29,5% (tăng cao hơn so với tốc độ tăng trưởng chung trong nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada). Đồ nội thất nhập khẩu vào Canada hiện đang có lợi thế lớn hơn so với sản phẩm sản xuất tại thị trường nội địa Canada, do chi phí sản xuất tại Canada tăng (tăng lương) cũng như

những tiêu chuẩn về môi trường mới của Canada khiến các sản phẩm đồ nội thất nhập khẩu từ các thị trường châu Á có giá cạnh tranh hơn.

Ngoài ra, Canada còn tăng nhập khẩu trái cây; gỗ và sản phẩm gỗ nguyên liệu; ca cao và chế phẩm từ ca cao; cà phê; chè; hạt tiêu...

Canada nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ 205 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Canada chủ yếu nhập khẩu từ thị trường Mỹ, chiếm 47,75% tổng trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Canada trong 5 tháng đầu năm 2021, các thị trường nhập khẩu lớn tiếp theo là Mexico, Trung Quốc. Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 4 vào Canada, chiếm 2,5% tỷ trọng trong 5 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 2,16% của 5 tháng đầu năm 2020.

Đáng chú ý, trong khi tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản của Mỹ và Mexico tại Canada giảm thì tỷ trọng nhóm hàng này của Trung Quốc và Việt Nam tăng lần lượt

là 0,63 điểm phần trăm và 0,34 điểm phần trăm trong 5 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Canada trong 5 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Nhập khẩu từ thế giới (Đvt: Triệu USD)		So sánh (%)	Tỷ trọng hàng Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Canada (%)	
	5T/2021	5T/2020		5T/2021	5T/2020
Tổng cộng	13.538,4	11.533,0	17,4	3,15	2,79
Đồ nội thất bằng gỗ	2.824,2	2.180,2	29,5	4,70	3,53
Trái cây và quả hạch ăn được	2.289,8	2.052,5	11,6	1,79	1,75
Hạt điều	42,2	38,7	9,1	78,36	76,43
Rau ăn được và một số loại rễ và củ	1.640,1	1.581,4	3,7	0,14	0,11
Gỗ và các sản phẩm bằng gỗ (Bao gồm than củi)	1.526,3	1.077,0	41,7	0,92	0,66
Chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các bộ phận khác của cây	972,9	932,9	4,3	1,60	1,37
Thịt và sản phẩm từ thịt	926,3	874,6	5,9	0,04	0,04
Cá, giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác	775,1	720,3	7,6	8,47	8,76
Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	736,3	615,2	19,7	0,02	0,01
Cà phê, chè và gia vị	726,2	623,0	16,6	2,85	2,70
Cà phê	530,4	481,4	10,2	1,33	1,33
Chè	19,6	14,7	33,0	0,39	0,61
Hạt tiêu	19,6	14,7	33,0	50,92	50,81
Chế phẩm từ thịt, cá và hải sản	625,6	507,9	23,2	5,52	5,15
Các sản phẩm thay thế từ cá, trứng cá muối - Đã chế biến hoặc bảo quản	154,2	133,3	15,7	5,78	2,72
Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống dưới nước khác - Đã chế biến hoặc bảo quản	120,5	73,8	63,2	21,26	30,53
Hạt có dầu, quả có dầu, cây công nghiệp hoặc cây thuốc, rơm rạ và thức ăn gia súc	513,0	398,7	28,7	0,20	0,13
Ngũ cốc	474,7	466,2	1,8	0,66	0,61
Gạo	167,8	186,2	-9,9	1,84	1,52
Cao su thiên nhiên	1.210,9	807,4	50,0	0,43	0,34

Nguồn: Cơ quan Hải quan Canada

Mặc dù trải qua làn sóng lây nhiễm Covid-19 lần thứ ba nhưng Canada vẫn ghi nhận tăng trưởng kinh tế đạt 5,6% trong quý I/2021, thấp hơn mức dự đoán 7% mà Ngân hàng Trung ương nước này đưa ra vào tháng 4/2021. Tuy vậy, với nhu cầu ổn định và niềm tin đang gia tăng, chi tiêu hộ gia đình mạnh hơn, trong khi các doanh nghiệp giảm dự trữ và tăng nhập khẩu nhiều hơn, tiến trình tiêm vaccine ngừa Covid-19 được đẩy nhanh và chính

quyền các địa phương nới lỏng các quy định hạn chế sẽ là những yếu tố khiến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản của Canada tăng lên. Đây là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này vào Canada.

Tuy vậy, một số lưu ý đối với hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu sang thị trường Canada, đó là quốc gia này ngày càng quan tâm đến các sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường, do đó việc chú

trọng đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm hữu cơ sang Canada sẽ là ưu tiên hàng đầu trong bối cảnh Việt Nam đang muốn mở rộng thị phần hàng nông, lâm, thủy sản tại Canada.

Đáng chú ý, đối với sản phẩm đồ nội thất nhập khẩu vào Canada, mới đây, Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada đã áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với ghế sofa và ghế tựa nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam. Các mức thuế đối với các nhà sản xuất Trung Quốc dao động từ 20% đến 295% trong khi thuế đối với các nhà sản xuất Việt Nam là từ 17% đến 101%. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 5/5/2021. Điều này sẽ ảnh hưởng đến nhiều nhà xuất khẩu đồ nội thất của Việt Nam sang Canada thời gian tới. Tuy nhiên, xuất khẩu các sản phẩm đồ nội thất gỗ sẽ không bị ảnh hưởng bởi danh mục các sản phẩm đồ nội thất bị áp thuế chống bán phá giá chủ

yếu là các sản phẩm ghế ngồi (đồ nội thất khác gỗ) thuộc nhóm HS 9401.40.00.00; 9401.61.10.10; 9401.61.10.90; 9401.71.10.10; 9401.71.10.90.

So sánh lợi thế nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tại Canada thấy rằng mặc dù nhóm hàng này mới chỉ chiếm 4,7% tổng trị giá nhập khẩu vào Canada, nhưng tỷ trọng này đã tăng so với mức 3,53% trong 5 tháng đầu năm 2020. Đáng chú ý, hai mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ sử dụng trong phòng ngủ và đồ nội thất bằng gỗ dùng cho mục đích khác (ngoài phòng ngủ, văn phòng và phòng bếp) của Việt Nam chiếm tỷ trọng khá lớn tại Canada và tỷ trọng đang tăng, với mức tăng lần lượt là 0,02 điểm phần trăm và 3,28 điểm phần trăm trong 5 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020. Thời gian tới, đây tiếp tục là các nhóm hàng mà Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu vào Canada.

TIN VĂN

- Ngày 19/7/2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn tổ chức Hội nghị trực tuyến xúc tiến tiêu thụ sản phẩm Na Chi Lăng và sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Hội nghị được kết nối trực tuyến với hơn 10 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đến nay, tỉnh Lạng Sơn đã hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn, đặc biệt là sản xuất cây ăn quả đặc sản như na, hồng, cây có múi... Lạng Sơn đã hình thành vùng sản xuất na tập trung tại các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng với diện tích 3.500 ha, tổng giá trị sản xuất na ước khoảng 1.200 tỷ đồng.

- Một số nhà xuất khẩu thủy sản Ấn Độ đã tạm thời bị đưa vào danh sách bị cấm xuất khẩu sang Trung Quốc, do các cơ quan hải quan tuyên bố rằng họ đã tìm thấy dấu vết của coronavirus trên bề mặt của các thùng carton. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, đã có 31 công ty thủy sản Ấn Độ đã bị từ chối khai báo nhập khẩu kể từ đầu tháng 6 - chủ yếu bán tôm thẻ chân trắng. Thời gian đình chỉ kéo dài từ 1 đến 9 tuần, tùy thuộc vào số lượng

mẫu xét nghiệm dương tính và liệu các công ty trước đó có bị đình chỉ do vi phạm tương tự hay không.

- Theo số liệu từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu lâm sản, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ nội thất nhà bếp trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 480 triệu USD, tăng 67% so với cùng kỳ năm 2020. Đồ nội thất nhà bếp bằng gỗ, trong đó chủ yếu là tủ bếp sản xuất tại Việt Nam ngày càng được các thị trường Mỹ, EU, Anh, Canada ưa chuộng, bởi mẫu mã đẹp và chất lượng cao...

- Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, lượng xuất khẩu viên nén của Việt Nam năm 2020 đạt khoảng 3,2 triệu tấn, lớn thứ 2 thế giới. Gần 100% lượng viên nén từ Việt Nam được xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc... Viên nén được sản xuất từ nguyên liệu phế phụ phẩm của ngành nông lâm ngư nghiệp, đây là nguồn sinh khối rất đa dạng. Hiện nay, nhiều nước trong đó có Nhật Bản và Hàn Quốc đang sử dụng viên nén là nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy nhiệt điện.